

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-PT

Ngày 29-11-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đông Giang và bà Nguyễn Thị Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2023/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc: “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 77/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Tuấn A**, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Bị đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn La Vân 1, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn – chị Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn - Anh Lê Tuấn A trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 18 tháng 9 năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, tranh cãi nhau to tiếng, mắng chửi nhau hàng ngày, anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2023 cho đến nay.

Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Lê Ngọc N, sinh ngày 06/3/2021. Sau khi ly hôn, mong muốn của anh là nhường cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhiên và anh tự nguyện góp cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng. Anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh tự nguyện chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí nuôi con.

- Bị đơn – chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị đồng ý với lời trình bày của anh Tuấn A về thời gian và điều kiện kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống. Chị chưa muốn ly hôn vì còn tình cảm rất nhiều với anh Tuấn A và con gái còn rất nhỏ.

Về con chung: Chị và anh Tuấn A có 01 con chung là Lê Ngọc N, sinh ngày 06/3/2021. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì mong muốn của chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con An Nhiên và chị không yêu cầu anh Tuấn A góp cấp dưỡng nuôi con vì bản thân chị có khả năng đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Tuấn A không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bản án số 77/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Tuấn A với chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc N, sinh ngày 06/3/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Lê Tuấn A không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Lê Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2023, chị H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H vẫn giữ nguyên kháng cáo, anh Trung giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại giai đoạn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận phần kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của chị H làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, do đó kháng cáo của chị H được thụ lý và đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị H thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc do đặc thù ngành nghề làm nghề hướng dẫn du lịch nên anh Tuấn A phải giao lưu nhiều với khách du lịch, chị H đã có hành vi không đúng trên các trang Zalo, Facebook của anh Tuấn A. Bản thân chị H cũng thừa nhận mình chưa đối xử tốt với anh Tuấn A. Hiện tại vợ chồng anh chị tuy sống chung một nhà nhưng đang sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Từ khi anh Tuấn A muốn ly hôn, chị H và gia đình anh Tuấn A đã phân tích, động viên anh Tuấn A để vợ chồng đoàn tụ; Tòa án cấp sơ thẩm cũng cố gắng H giải nhưng anh Tuấn A vẫn kiên quyết xin ly hôn, điều đó chứng tỏ anh Tuấn A không mong muốn tiếp

tục duy trì đời sống vợ chồng cùng chị H nữa. Đến thời điểm xét xử phúc thẩm, chị H vẫn không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, anh Tuấn A vẫn kiên quyết xin ly hôn, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, có kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không đem lại kết quả gì. Do đó, bản án sơ thẩm xử cho anh Tuấn A được ly hôn chị H là có căn cứ, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của chị H.

[2.2] Về con chung: Anh Tuấn A nhường cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc N và tự nguyện góp cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng nhưng chị H cương quyết không nhận. Xét thấy chị H đang nuôi con phát triển tốt, nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị H chính đáng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Tuấn A và chị H, giao con chung Lê Ngọc N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị H có thu nhập ổn định, cương quyết không nhận tiền cấp dưỡng của anh Tuấn A tự nguyện đóng góp nên anh Tuấn A không phải góp cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị đều không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết là đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của chị H không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 77/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Tuấn A với chị Lê Thị H.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc N, sinh ngày 06/3/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Lê Tuấn A không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Lê Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai số 0005936 ngày 22/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 29/11/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Tuấn Vương